

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 74/2008/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho
đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008 – 2010**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách
hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008 – 2010 (Vùng) nhằm tạo điều kiện để các hộ này phát triển sản xuất, cải thiện và ổn định cuộc sống.

1. Mục tiêu: đến năm 2010, toàn bộ số hộ đồng bào dân tộc thiểu số trong Vùng có đất ở; trên 80% số hộ trong diện nghèo, đời sống khó khăn có đất sản xuất, có việc làm, tạo thu nhập ổn định; trên 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

a) Đối tượng: hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo được xác định theo tiêu chí hiện hành do Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, nhưng chưa có đất hoặc chưa đủ đất sản xuất theo mức quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này; chưa có đất ở, đời sống khó khăn nhưng chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở, đất sản xuất; lao động trong độ tuổi cần vốn để học nghề, chuyển đổi ngành nghề, đi xuất khẩu lao động, cần vốn để sản xuất, kinh doanh thêm ngành nghề trong nông thôn;

b) Phạm vi áp dụng: hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn thường trú ổn định từ 1 năm trở lên tại các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang, Long An và thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên tắc và mục đích sử dụng:

a) Nguyên tắc:

- Giao đất trực tiếp cho hộ gia đình thuộc đối tượng nêu ở điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này để sản xuất hoặc để ở (riêng đất sản xuất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố đứng ra tìm quỹ đất và chỉ giao những hộ có nhu cầu sản xuất, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp);

- Cấp tiền trực tiếp cho những hộ thiếu đất sản xuất nhưng không có nhu cầu về đất sản xuất mà muốn chuyển sang làm phi nông nghiệp hoặc cho những hộ cần đất sản xuất nhưng địa phương không còn quỹ đất sản xuất để cấp; việc cấp vốn thông qua các cơ sở đào tạo nghề (thuộc các thành phần kinh tế) để hỗ trợ cho những lao động cần học nghề để đi làm trong các nhà máy, xí nghiệp, đi lao động nước ngoài... trên cơ sở số lượng đăng ký học nghề của đối tượng được thụ hưởng, kế hoạch đăng ký dạy nghề hàng năm cho đối tượng này của các cơ sở dạy nghề tại địa phương được Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị trở lên phê duyệt trong kế hoạch 2009 – 2010;

- Cho vay vốn trực tiếp đối với những lao động trong độ tuổi có nhu cầu tự tạo việc làm thêm ở địa phương. Riêng đối với lao động đi nước ngoài chỉ hỗ trợ đào tạo nghề và cho vay vốn đối với những người trong độ tuổi từ 16 đến 35 tuổi;

- Việc hỗ trợ phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ thông qua chính quyền và các tổ chức đoàn thể, tiến hành bình xét từ cơ sở thôn, ấp trên các quy định pháp luật và chính sách của Nhà nước;

- Mỗi đối tượng (nêu ở điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này) được hưởng mỗi chính sách một lần.

b) Mục đích sử dụng:

- Các hộ được cấp đất sản xuất, đất ở phải trực tiếp quản lý sử dụng đất đai đúng mục đích, không được sang nhượng, cầm cố, mua bán, cho thuê trong thời gian 10 năm, kể từ ngày được Nhà nước giao đất. Trong thời hạn này, nếu hộ được cấp đất sản xuất, đất ở di chuyển đi nơi khác thì phải giao lại đất ở, đất sản xuất đã được cấp cho chính quyền địa phương;

- Lao động được hỗ trợ một phần kinh phí để đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp phải sử dụng kinh phí đúng mục đích thông qua các cơ sở đào tạo tại địa phương hoặc kết hợp với chính sách hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm tại các doanh nghiệp.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Đối với đất ở:

a) Căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố có thể xem xét, quyết định giao đất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo phù hợp với điều kiện và tập quán ở địa phương;

b) Mức hỗ trợ để mua đất cấp trực tiếp bình quân cho mỗi hộ chưa có đất ở là 10 triệu đồng/hộ (trong đó: ngân sách trung ương hỗ trợ 8 triệu đồng, ngân sách địa phương hỗ trợ 2 triệu đồng).

Ở những nơi có điều kiện, chính quyền địa phương tổ chức san lấp mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để cấp đất hoặc xây dựng các khu dân cư tập trung để cấp nhà ở cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định này.

2. Đối với đất sản xuất:

a) Định mức đất sản xuất cho mỗi hộ căn cứ theo mức bình quân chung của địa phương và tùy thuộc vào khả năng quỹ đất hiện còn tại địa phương, nhưng tối thiểu là 0,25 ha đất ruộng lúa nước 1 vụ hoặc 0,15 ha đất ruộng lúa nước 2 vụ hoặc 0,5 ha đất đồi, gò hoặc đất nuôi thủy sản;

b) Những hộ chưa đủ đất sản xuất theo định mức nêu tại Quyết định này hoặc không có đất sản xuất, nhưng có nhu cầu về đất để sản xuất, chính quyền địa phương căn cứ theo yêu cầu, khả năng lao động, khả năng phát triển sản

xuất của từng hộ để tạo quỹ đất giao trực tiếp cho từng hộ để sản xuất hoặc giao qua các tổ chức như: tổ hợp tác, hợp tác xã để làm kinh tế tập thể;

c) Mức hỗ trợ cho mỗi hộ để có đất sản xuất không quá 20 triệu đồng/hộ, trong đó ngân sách trung ương cấp 10 triệu đồng/hộ và được vay tín dụng với mức không quá 10 triệu đồng/hộ theo hình thức vay tín chấp trong thời gian 5 năm với lãi suất bằng 0%. Với mức hỗ trợ này, tùy thuộc vào giá đất của từng địa phương mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định hỗ trợ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có diện tích đất nhiều hơn;

d) Các công ty nông nghiệp, lâm nghiệp, ban quản lý bảo vệ rừng, các hợp tác xã được giao nhiệm vụ tổ chức cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất, sẽ được ngân sách trung ương hỗ trợ bình quân 10 triệu đồng/ha để khai hoang, làm đường giao thông, đầu tư lưới điện, xây dựng công trình thủy lợi nhỏ hoặc góp vốn vào hợp tác xã. Đối với các hộ được hỗ trợ bằng vốn góp vào hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, trong thời gian tối thiểu 5 năm, hộ được hỗ trợ không được quyền rút vốn ra khỏi hợp tác xã, tổ hợp tác.

3. Đối với những hộ, lao động chuyển đổi ngành nghề:

Đối với những hộ không có nhu cầu về đất sản xuất hoặc ở những địa phương không còn quỹ đất sản xuất để hỗ trợ bằng đất thì hỗ trợ bằng tiền để họ có điều kiện tự tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề khác.

a) Đối với những hộ có lao động nhưng không có nhu cầu học nghề mà có nhu cầu vốn để mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ cho các hộ sản xuất nông nghiệp trong Vùng hoặc cần vốn để làm thêm các ngành nghề khác, tăng thu nhập, được ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 3 triệu đồng/hộ và được hỗ trợ cho vay vốn theo hình thức tín chấp tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ trong thời gian 3 năm, với lãi suất bằng 0%;

b) Đối với những lao động có nhu cầu học nghề để đi làm công nhân, đi xuất khẩu lao động ... ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí học nghề cho mỗi lao động tối đa 3 triệu đồng/lao động. Mức hỗ trợ tùy thuộc vào từng ngành nghề và thời gian học nghề thực tế;

Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, từng địa phương tùy theo khả năng nguồn ngân sách của mình mà quyết định mức hỗ trợ thêm cho đồng bào.

c) Lao động đi xuất khẩu, ngoài mức hỗ trợ để học nghề trước khi đi, còn được vay theo hình thức tín chấp tối đa 20 triệu đồng/ người. Mức vay, thời gian vay cụ thể căn cứ vào khả năng và yêu cầu thực tế của từng đối tượng;

d) Những hộ, lao động chuyển đổi ngành nghề, ngoài việc được hưởng các chính sách nêu trên còn được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan về dạy nghề theo quy định hiện hành;

đ) Việc hỗ trợ được thực hiện trực tiếp, bằng tiền cho từng đối tượng được hưởng thông qua việc ký kết hợp đồng giữa người đại diện cho người được hưởng lợi (chính quyền, đoàn thể cấp xã, phường) và cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo nghề theo định mức quy định tại Quyết định này;

e) Trường hợp lao động đã được hỗ trợ vốn để đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, nhưng sau khi được đào tạo, không tham gia lao động sẽ không được hưởng các chính sách hỗ trợ vay vốn tìm việc làm, hỗ trợ ổn định cuộc sống được quy định tại Quyết định này.

4. Điều kiện vay vốn: